

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06/3/2020

Về việc: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hê;

2. Ông Phạm Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 179/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2019 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 17/02/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 - Có mặt.

HKTT: Thôn XD, phường LS, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Thôn VT, xã BK, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Trần Thế T, sinh năm 1983 - Vắng mặt.

Trú tại: Thôn XD, phường LS, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Trần Minh T1, sinh ngày 05/8/2007.

- Cháu Trần Danh T2, sinh ngày 22/11/2009.

Cùng địa chỉ: Thôn VT, xã BK, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng:

1. Bà Hoàng Thị Ng - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn VT, xã BK, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

2. Bà Trần Thị Q - Vắng mặt.

Trú tại: Thôn XD, phường LS, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Thế T đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND phường LS, thành phố H, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng chị H ở cùng với bố mẹ anh T. Tình cảm vợ chồng hạnh phúc được 1 hay 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu rồi kiếm cớ chửi bới chị H. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm trí anh T còn đánh chị H. Mẹ chồng chị H có mời trưởng phố vào nhà hòa giải nhưng anh T vẫn không chịu nghe. Mặt khác anh T không chịu khó làm một công việc nào cụ thể ổn định lâu dài, cứ được mấy tháng lại nghỉ việc. Hiện nay chị H đi làm may, còn anh T làm thợ xây quanh làng, nhưng làm cũng không được nhiều, chủ yếu là nghỉ ở nhà uống rượu rồi kiếm cớ chửi bới chị H. Chị H cũng hay về nhà bố mẹ đẻ ở do không thể chịu đựng được việc anh T chửi bới và đánh đập. Cứ ở được một thời gian anh T lại lên xin lỗi rồi đón chị H về. Khi về nhà anh T vẫn chứng nào tật ấy không từ bỏ được. Khoảng 01 tháng nay chị H về ở hẳn nhà bố mẹ đẻ và không có ý định quay về với anh T nữa. Anh T có lên tìm nhưng chủ yếu là lên gây sự và chửi bới chị H. Mâu thuẫn của vợ chồng chị H được bố mẹ hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng với anh T đã hết nên chị H xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Minh T1, sinh ngày 05/8/2007 và Trần Danh T2, sinh ngày 22/11/2009. Hiện cả hai cháu đang ở cùng chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Thế T không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập. Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương đến nhà, anh T có nhà nhưng kiên quyết không làm việc. Vì vậy không thể tiến hành lấy lời khai của anh T được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Trần Minh T1 và Trần Danh T2 trình bày:

Chúng cháu là con của bố T và mẹ H, hiện chúng cháu đang ở cùng với mẹ ở nhà ông bà ngoại. Khi còn ở với bố T thì hai anh em cháu thấy bố hay uống rượu và thỉnh thoảng có đánh mẹ. Nay bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của anh em cháu muốn ở với mẹ H vì sợ ở với bố do bố hay uống rượu say.

Quá trình giải quyết do anh T không đến Tòa án làm việc nên không thể tiến hành hòa giải được.

Phiên tòa ngày 02 tháng 3 năm 2020, bị đơn anh Trần Thế T vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên.

* Bị đơn anh Trần Thế T vắng mặt không có lý do.

* Quan điểm của đại diện VKSND thành phố H:

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố H đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự thủ tục tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, yêu cầu khởi kiện bổ sung tại phiên tòa cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Thế T.

- Về con chung: Giao cháu Trần Minh T1, sinh ngày 05/8/2007 và Trần Danh T2, sinh ngày 22/11/2009 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con chung.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn anh Trần Thế T, sinh năm 1983, HKTT: Thôn XD, phường LS, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn anh Trần Thế T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Trần Thế T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường LS, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Hưng Yên ngày 01/9/2006. Như vậy hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H ở cùng bố mẹ đẻ anh T, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T hay uống rượu dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh, cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chị H được bà Trần Thị Q - mẹ đẻ anh T cung cấp: Trong cuộc sống, bà Q thấy vợ chồng anh T mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân do anh T hay uống rượu nên vợ chồng hay đánh cãi nhau. Chị H tự ý đi lao động ở Nhật nhưng anh T và gia đình bà Q không biết. Chị H đi Nhật được ba năm nhưng cũng không gửi tiền về nuôi con. Khoảng tháng 8 năm 2018 chị H về nước và ở cùng với anh T đến khoảng tháng 01 năm 2019 lại đi lao động ở Đài Loan, đến khoảng tháng 5 năm 2019 thì về nước. Khi anh T biết chị H đi lao động ở Đài Loan thì anh T cũng sang Đài Loan lao động, anh T đi từ khoảng tháng 3 năm 2019 đến tháng 7 năm 2019 thì về nước. Khi anh T về nước, hai vợ chồng có ở với nhau nhưng một phần do anh T hay uống rượu, một phần vì kinh tế nên vợ chồng lại đánh cãi nhau. Tháng 10 năm 2019 chị H đưa cháu T2 về ở cùng bố mẹ đẻ, sau khi ăn tết xong chị H đón nốt cháu T1 về ở cùng. Anh T có tìm nhưng chị H không về. Bản thân bà Q cũng gặp mẹ đẻ chị H nhờ khuyên bảo nhưng chị H kiên quyết không về ở với anh T. Bà Hoàng Thị Ng - mẹ đẻ chị H cũng cung cấp: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H ở cùng với bố mẹ chồng nhưng thỉnh thoảng chị H lại bỏ về nhà bà Ng ở do vợ chồng đánh cãi chửi nhau, sau đó anh T đến xin lỗi thì chị H lại về nhà chồng ở. Chị H đi lao động ở Nhật ba năm, sau khi về nước chị H lại đi Đài Loan mấy tháng rồi về. Anh T cũng đi Đài Loan lao động được mấy tháng thì về nước. Thời gian ở nước ngoài, vợ chồng chị H sống với nhau như thế nào thì bà Ng không biết. Sau khi chị H về nước, khoảng gần một năm nay vợ chồng chị H lại đánh cãi chửi nhau, chị H bỏ về ở cùng vợ chồng bà Ng cho đến nay. Ngày 28 tết năm 2020 anh T có đến xin lỗi chị H nhưng cứ một câu xin lỗi lại một câu chửi. Qua xác minh, ông Lê Hồng Q1 - Phó trưởng khu phố XD cung cấp: Trước đây vợ chồng anh T có mâu thuẫn hay không thì ông Q1 không nắm được do vợ chồng đi làm công nhân và có thời gian anh chị đi nước ngoài. Khoảng tháng 10 năm 2019 bà Q có đến trình báo nhờ chính quyền can thiệp do vợ chồng anh T đánh cãi chửi nhau. Ông Q1 đã hai lần đến nhà để khuyên nhủ vợ chồng anh T, qua đó ông Q1 biết được do anh T hay uống rượu và do kinh tế của vợ chồng nên vợ chồng anh T hay đánh cãi nhau. Gần đây chị H đã đưa cả hai con về ở cùng bố mẹ đẻ.

Từ những chứng cứ trên xác định vợ chồng chị H, anh T xảy ra mâu thuẫn đã lâu, từ trước thời gian chị H đi lao động ở nước ngoài, nguyên nhân là do anh T hay uống rượu nên vợ chồng thường xảy ra đánh cãi nhau. Sau khi vợ chồng chị H đi nước ngoài về thì vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn, ngoài nguyên nhân do anh T hay uống rượu thì còn thêm nguyên nhân là do kinh tế. Vợ chồng vẫn thường xảy ra đánh cãi nhau, chính quyền địa phương đã phải đến can thiệp nhưng vẫn không có kết quả, chị H đã đưa các con về ở cùng bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh T. Bản thân anh T có đến xin lỗi chị H nhưng lại chửi chị H nên chị H không quay về sống cùng anh T. Như vậy xác định mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị H xin được ly hôn anh T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung:

Vợ chồng chị H, anh T có hai con chung là Trần Minh T1, sinh ngày 05/8/2007 và Trần Danh T2, sinh ngày 22/11/2009. Xét nguyện vọng xin được nuôi cả hai cháu của chị H thì thấy rằng: Hiện tại ba mẹ con chị H ở cùng với bố mẹ đẻ chị H, bố mẹ đẻ chị H vẫn tiếp tục tạo điều kiện về chỗ ở cho mẹ con chị H. Chị H đang làm may cho xưởng may tư nhân, có thu nhập ổn định. Như vậy điều kiện về chỗ ở, kinh tế của chị H đảm bảo tốt cho việc nuôi dưỡng các cháu. Nguyện vọng của chị H phù hợp với nguyện vọng của cháu T1 và Tuyên. Mặt khác do anh T không đến Tòa án làm việc nên không xác định được nguyện vọng của anh T về con chung. Vì vậy sẽ giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Nếu sau này anh T có nguyện vọng được nuôi con chung thì sẽ giải quyết bằng vụ án về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Anh T không trực tiếp nuôi con chung nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị H nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận, vợ chồng không có nợ chung nên không đề nghị giải quyết. Tuy nhiên do anh T không đến làm việc nên không biết anh T có đề nghị giải quyết về tài sản chung, nợ chung hay không. Vì vậy sẽ không xem xét về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chị H, anh T. Sau này nếu anh T có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Thế T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Minh T1, sinh ngày 05/8/2007 và Trần Danh T2, sinh ngày 22/11/2009 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Trần Thế T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Nguyễn Thị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền nuôi con chung.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001020 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Chị H đã nộp án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Thế T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. H;
- Các đ-ơng sự;
- TA tỉnh H;
- THA dân sự TP. H;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lý